

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10 - NGHỆ AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh P

Bản án số: 34/2025/HNGĐ-ST

Ngày 27/11/2025

V/v “*Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Huyền Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Cù Đức Hùng

Ông Lang Văn Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Hải Yến - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Trần Hoàng Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 - Nghệ An đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 67/2025/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2025/QĐXX-ST ngày 29 tháng 10 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trương Thị T, Sinh năm: 1998. Nơi cư trú: Xóm Thọ S, xã Q, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn P, Sinh năm: 1995. Địa chỉ: Xóm T, xã Q, tỉnh Nghệ An. Hiện đang cải tạo tại Đội 31, phân trại số 1, Trại giam số 3, xã Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Trương Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị T và anh Nguyễn Văn P, tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Q, tỉnh Nghệ An (Nay là xã Q) vào ngày 18/12/2017.

Trong thời gian chung sống gần 2 năm, anh P ham chơi, bỏ bê vợ con không quan tâm gì đến gia đình, dẫn đến hai vợ chồng không có tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng phai nhạt dần. Đến tháng 4 năm 2020 anh P bị bắt vì tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” bị xử phạt 7 năm tù. Do tình cảm vợ chồng đã rạn nứt, nên khi anh P bị bắt thì vợ chồng lại càng xa cách. Hiện tại chị T xác định không còn tình cảm với P nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Văn P.

Về con chung: Chị Trương Thị T và anh Nguyễn Văn P có 01 người con chung tên là Nguyễn Ngọc Cát T, sinh ngày: 16/07/2018. Chị T có nguyện vọng được nuôi con chung cho đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi) và không yêu cầu anh Nguyễn Văn P phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị Trương Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Trương Thị T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên các yêu cầu như đơn khởi kiện.

Bản tự khai của anh Nguyễn Văn P là bị đơn, ngày 14/10/2025(có xác nhận của Ban giám thị trại giam số 3) trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn P thừa nhận anh và chị Trương Thị T tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Q, tỉnh Nghệ An vào ngày 18/12/2017 (Nay là xã Q, tỉnh Nghệ An). Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp nhau dẫn đến có nhiều bất đồng trong cuộc sống không thể khắc phục. Nay chị T có yêu cầu giải quyết ly hôn thì anh P cũng đồng ý.

Về con chung: Anh Nguyễn Văn P cũng thừa nhận có 01 con chung với chị Trương Thị T tên là Nguyễn Ngọc Cát T, sinh ngày: 16/07/2018. Do anh P đang chấp hành án nên anh P đồng ý giao con chung cho chị Trương Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Về tài sản chung: Anh Nguyễn Văn P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh P đã có đơn đề nghị vắng mặt tại các phiên họp, phiên hòa giải và đề nghị xét xử vắng mặt có xác nhận của Ban giám thị Trại giam số 3.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân Khu vực 10 – Nghệ An tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thẩm phán, thư ký đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 và Điều 227 của BLTTDS. Tại phiên tòa Nguyên đơn,

bị đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt là đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh P.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 147 của BLTTDS; các Điều 51, 56, 58, 81, 82 , 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Trương Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn P. Giao con chung cho chị Trương Thị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Nguyễn Văn P cho đến khi có thay đổi khác; Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về Tố tụng: Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về “Ly hôn” quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Nghệ An thụ lý, giải quyết. Chị Trương Thị T là nguyên đơn, anh Nguyễn Văn P là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt hợp lệ, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị T và anh Nguyễn Văn P kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc và được UBND xã T, huyện Q, tỉnh Nghệ An (Nay là xã Q) cấp giấy chứng nhận kết hôn, ngày đăng ký 18/12/2017. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Chị Trương Thị T và anh Nguyễn Văn P đều thừa nhận sau khi kết hôn vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không có tiếng nói chung. Chung sống được một thời gian thì anh P lại vi phạm pháp luật về tội phạm ma túy phải đi cải tạo thời gian dài, chính điều này đã làm cho vợ, chồng chị T, anh P vốn đã mâu thuẫn càng trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu ly hôn của chị Trương Thị T cần được chấp nhận, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Trương Thị T và anh Nguyễn Văn P có 01 con chung tên là Nguyễn Ngọc Cát T, sinh ngày: 16/07/2018. Chị T đề nghị được nuôi con

chung và không yêu cầu anh Nguyễn Văn P phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung. Do đang đi cải tạo nên anh P cũng nhất trí với yêu cầu của chị T. Cháu Nguyễn Ngọc Cát T cũng có nguyện vọng được ở với mẹ (T).

Xét thấy nguyện vọng của chị T và anh P và cháu Cát T là chính đáng để đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng con về ăn, ở, sinh hoạt, điều kiện học tập và thời gian chăm sóc, dạy dỗ, giáo dục con chung, cần phải giao con chung cho chị Trương Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành là phù hợp, đúng quy định của pháp luật.

Việc chị T không yêu cầu anh P đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung là tự nguyện nên cần tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Nguyễn Văn P.

[4] Về tài sản chung: Chị Trương Thị T và anh Nguyễn Văn P không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Án phí: Nguyên đơn chị Trương Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Đề nghị của đại diện viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 – Nghệ An tại phiên tòa về nội dung vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trương Thị T, cho chị Trương Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn P.

[2] Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Ngọc Cát T, sinh ngày: 16/07/2018 cho chị Trương Thị T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có quyết định thay đổi khác. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh Nguyễn Văn P.

Anh Nguyễn Văn P có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở anh P thực hiện quyền này.

[3] Về án phí: Nguyên đơn chị Trương Thị T phải chịu 300.000đ phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm

ứng án phí, lệ phí Toà án số 0001033, ngày 09 tháng 10 năm 2025 của cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An. Chị T đã nộp đủ.

[4] Nguyên đơn, Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- VKSND khu vực 10 – Nghệ An;
- UBND xã Q, Nghệ An;
- Các đương sự;
- THADS tỉnh Nghệ An;
- Phòng THADS số 10 – Nghệ An
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Huyền Anh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Cù Đức Hùng

Lang Văn Hải

Lương Huyền Anh

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- VKSND khu vực 10 – Nghệ An;
- UBND xã Quỳnh Hợp, Nghệ An;
- Các đương sự;
- THADS tỉnh Nghệ An;
- Phòng THADS số 10 – Nghệ An
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Huyền Anh

[4] Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án Dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- VKSND tỉnh Nghệ An;
- VKSND H.Quế Phong;
- UBND xã Bắc Sơn, Đô Lương, NA;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS H.Quế Phong;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Huyền Anh